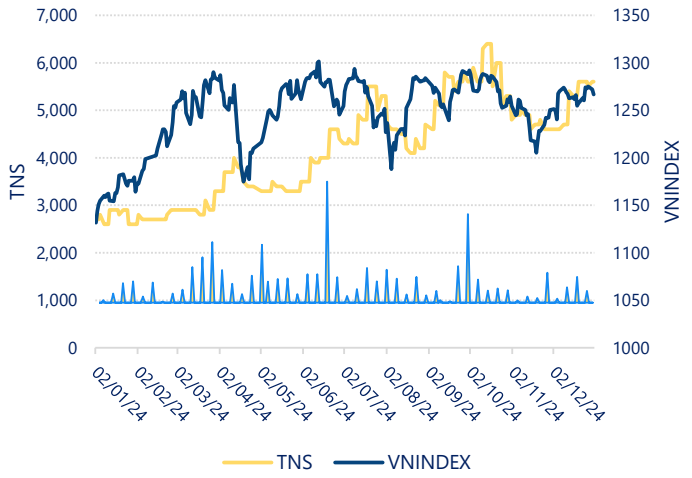
KẾT QUẢ KINH DOANH

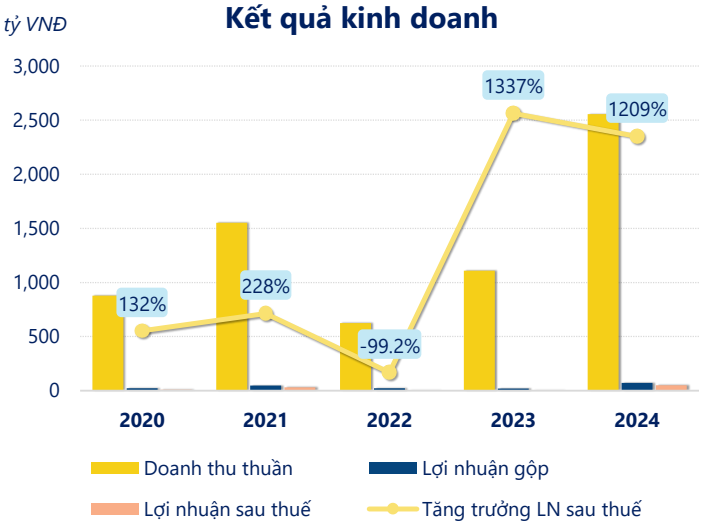
Ngày 31/12/2024	5,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	21.7%	0%	30.2%

Lịch sử giá



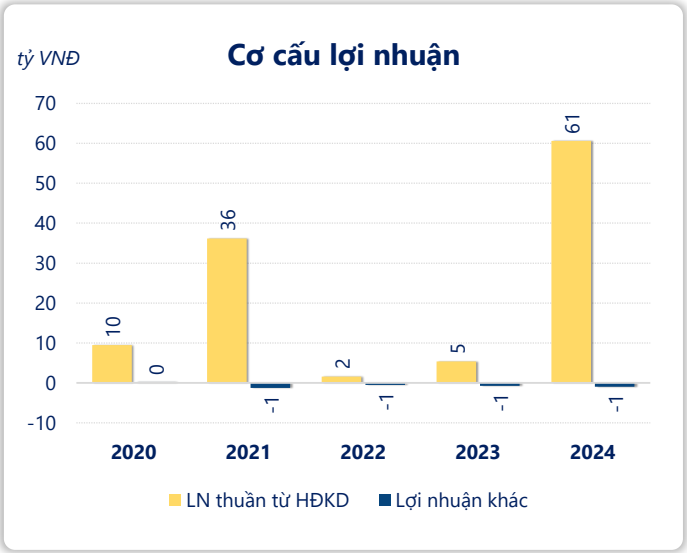
	2024	YoY
DT thuần	2,556 tỷ VNĐ	▲ 1,448 ▲ 131%
LN gộp	70.7 tỷ VNĐ	▲ 51.5 ▲ 269%
LN thuần	60.6 tỷ VNĐ	▲ 55.2 ▲ 1028%
LN sau thuế	49.5 tỷ VNĐ	▲ 45.7 ▲ 1209%
ROE	90.2%	+/- YoY ▲ 78.9%
ROA	11.7%	+/- YoY ▲ 10.6%

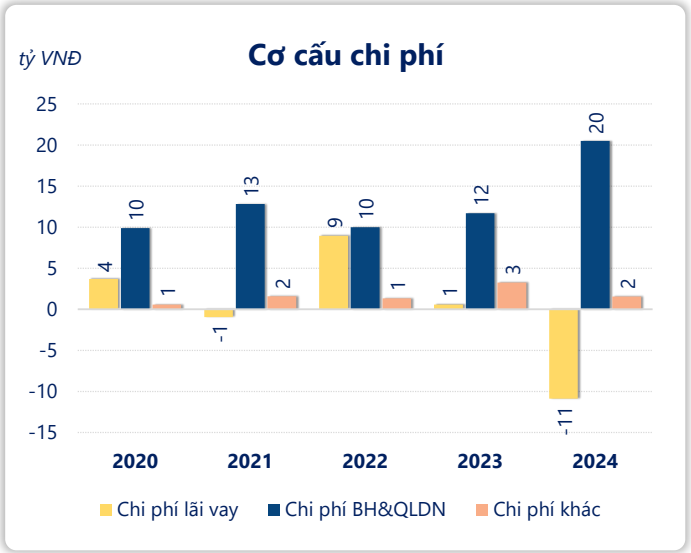
Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **TNS** ghi nhận doanh thu thuần **2,556** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **49.47** tỷ đồng, lần lượt **tăng 131%** và **tăng 1209%** so với năm trước.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **90.2%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

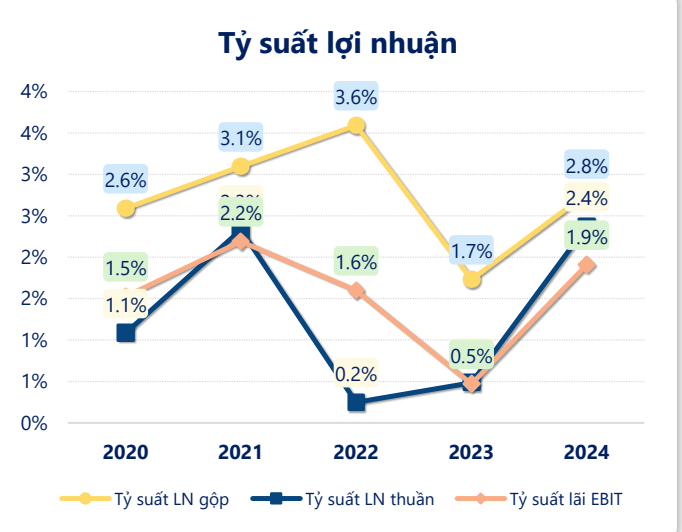


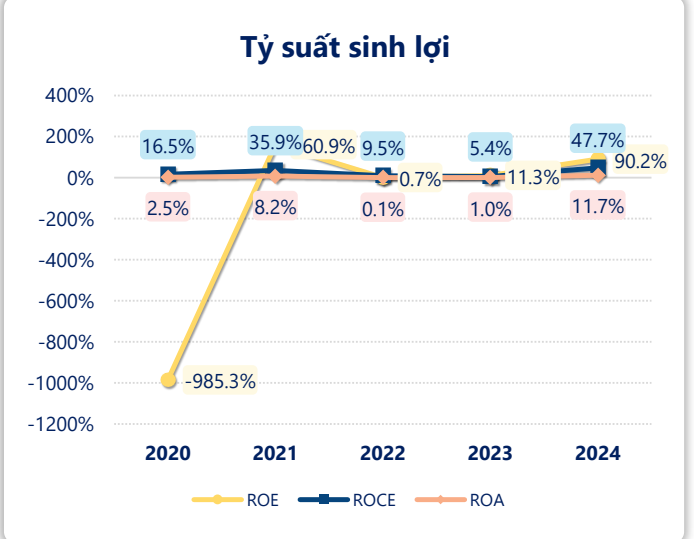


Năm **2024**, **TNS** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **60.59** tỷ đồng, **tăng lên 55.22** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (22.64 tỷ đồng) là 37.95 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

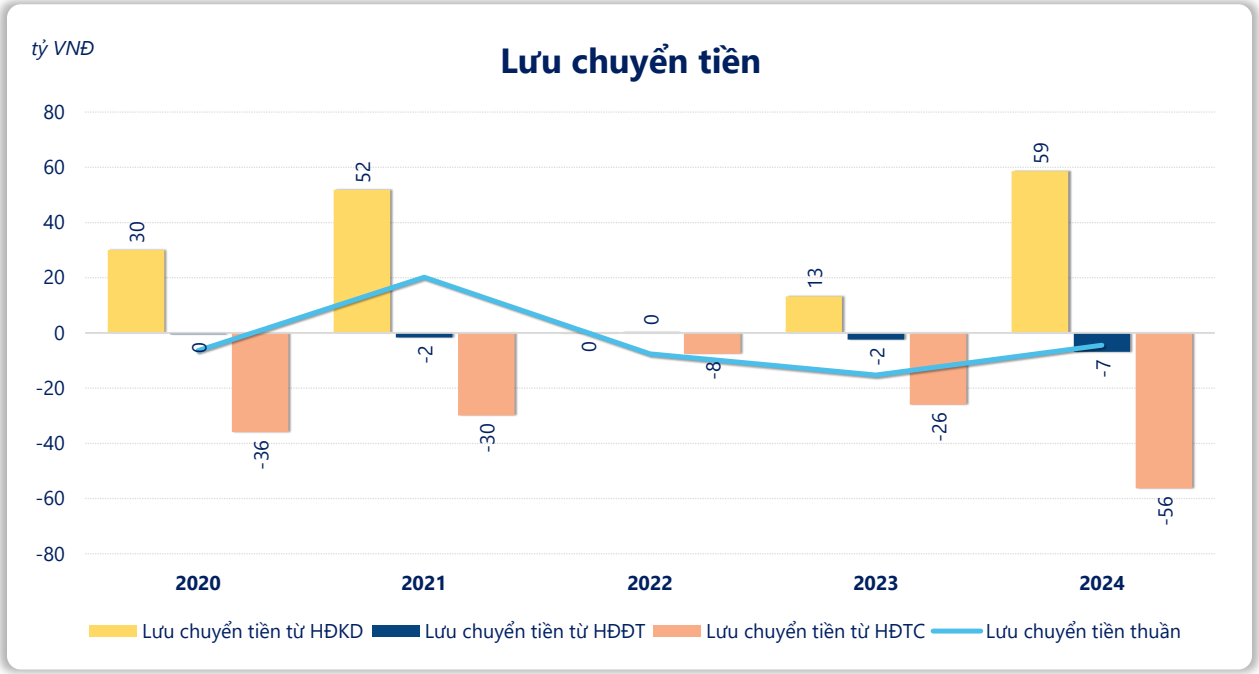
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **-10.88** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **20.47** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **1.53** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của TNS năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **90.2%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**878**	**1,552**	**625**	**1,108**	**2,556**
Giá vốn hàng bán	855	1,504	602	1,089	2,485
Lợi nhuận gộp	**22.7**	**48.0**	**22.4**	**19.2**	**70.7**
Doanh thu HĐTC	0.65	1.16	0.50	0.17	0.07
Chi phí TC	4.00	0.22	11.4	2.28	-10.3
Chi phí lãi vay	**3.68**	**-0.95**	**8.95**	**0.58**	**-10.9**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.19	2.83	1.42	2.50	4.88
Chi phí QLDN	7.67	9.96	8.56	9.20	15.6
LN thuần từ HĐKD	**9.50**	**36.2**	**1.55**	**5.37**	**60.6**
Lợi nhuận khác	0.21	-1.25	-0.52	-0.75	-0.94
LN trước thuế	**9.72**	**34.9**	**1.03**	**4.63**	**59.7**
Lợi nhuận sau thuế	**9.72**	**31.9**	**0.26**	**3.78**	**49.5**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.72**	**31.9**	**0.26**	**3.78**	**49.5**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của TNS bằng **-4.49** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-15.26 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **58.61** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-6.80** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-56.31** tỷ đồng.